

Số: 65 /NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung về phân cấp nguồn thu các cấp
ngân sách địa phương, giai đoạn 2017-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020;

Thực hiện Văn bản số 9076/BTC-KBNN ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính về việc xây dựng quy định phân chia nguồn thu tiền chậm nộp Ngân sách địa phương được hưởng theo quy định cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương;

Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung về phân cấp nguồn thu các cấp ngân sách địa phương tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 của HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi điểm b khoản 1 mục III phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 của HĐND tỉnh: các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách xã, phường, thị trấn, ngân sách huyện, thành phố, chi tiết từng huyện, thành phố (đính kèm phụ lục chi tiết số 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7).

2. Bổ sung một số nội dung về nguồn thu hưởng 100% của ngân sách tỉnh, huyện, thành phố:

a) Nguồn thu của ngân sách tỉnh (các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng

100%), gồm:

- Tiền thuê đất của dự án BT (ghi thu, ghi chi qua ngân sách).
- Tiền thuế chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế đối với khoản thu do tỉnh quản lý.

b) Nguồn thu của ngân sách huyện, thành phố (các khoản thu ngân sách huyện, thành phố hưởng 100%): Tiền thuế chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế đối với khoản thu do huyện, thành phố quản lý.

3. Ngoài các nội dung nêu trên, các nội dung khác của Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 không thay đổi.

4. Thời điểm áp dụng: từ năm ngân sách 2018.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

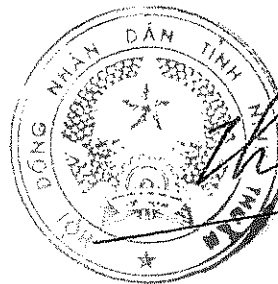
2. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa X kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu – UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thanh



PHỤ LỤC 1

Tỷ lệ phân trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách TP Phan Rang - Tháp Chàm và ngân sách xã, phường trên địa bàn

(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh)

TT	Nội dung thu	Phân định giữa TP.Phan Rang - Tháp Chàm/ các phường, xã					
		Tổng cộng (%)	Thành phố (%)	Phường: Phú Hà, Kinh Dinh, Thanh Sơn (%)	Phường Tấn Tài (%)	Phường Đài Sơn (%)	Phường: Đô Vinh, Bảo An, Phước Mỹ, Mỹ Hương, Đạo Long, Mỹ Đông, Mỹ Hải, Đông Hải, Mỹ Bình, Văn hải, xã Thành Hải (%)
1	Thu từ doanh nghiệp Trung ương						
-	Thuế giá trị gia tăng	100	100				
2	Thu từ khu vực công thương nghiệp-NQD						
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	100				
-	Thuế tài nguyên	100	100				
-	Thuế giá trị gia tăng						
+	Thu từ đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu	100	100				
+	Thu từ đối tượng do liên đội thuế phường, xã thu	100	0-50	50	80	90	100
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
+	Thu từ đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu	100	100				
+	Thu từ đối tượng do liên đội thuế phường, xã thu	100	0-50	50	80	90	100
3	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản						
-	Thu từ đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu	100	100				
-	Thu từ đối tượng do liên đội thuế phường, xã thu	100	0-50	50	80	90	100
4	Thuế thu nhập cá nhân từ các thu nhập khác	100	100				
-	Thu từ đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu	100	100				
-	Thu từ đối tượng do liên đội thuế phường, xã thu	100	0-50	50	80	90	100
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100		100	100	100	100
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100	100				
7	Lệ phí trước bạ đối với tài sản khác	100	100				
8	Thu tiền sử dụng đất (các công trình, dự án do huyện, thành phố quản lý, đầu tư	100	100				

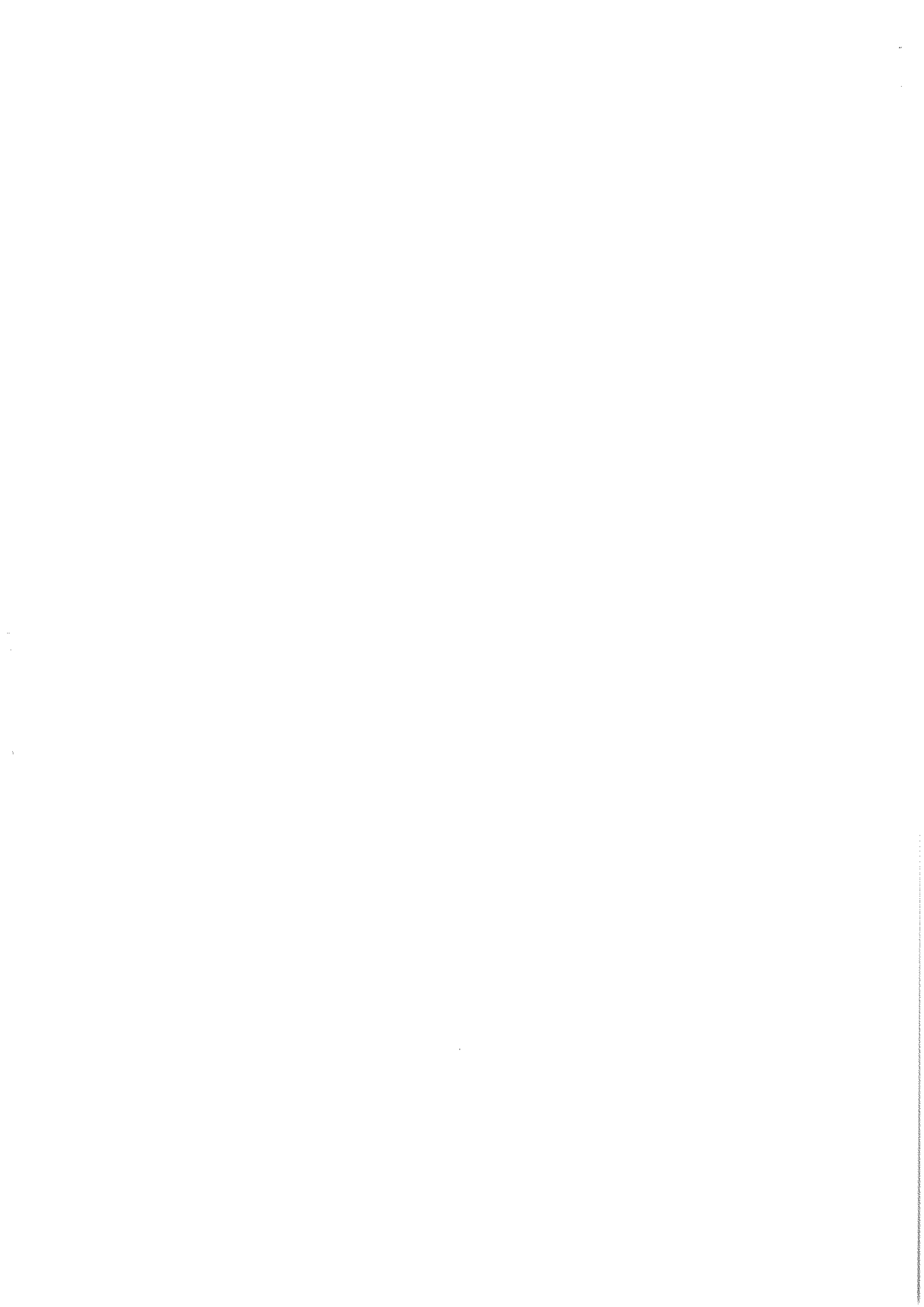
TT	Nội dung thu	Phân định giữa TP.Phan Rang - Tháp Chàm/ các phường, xã					
		Tổng cộng (%)	Thành phố (%)	Phường: Phú Hà, Kinh Dinh, Thanh Sơn (%)	Phường Tân Tài (%)	Phường Đái Sơn (%)	Phường: Đô Vinh, Bảo An, Phước Mỹ, Mỹ Hương, Đạo Long, Mỹ Đông, Mỹ Hải, Đông Hải, Mỹ Bình, Văn Hải, xã Thành Hải (%)
9	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	100	100				
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100		100	100	100	100
11	Thu cố định tại xã	100		100	100	100	100
12	Thu khác ngân sách						
-	Thành phố thực hiện thu	100	100				
-	Xã, phường thực hiện thu	100		100	100	100	100
13	Phí, lệ phí						
-	Thành phố thực hiện thu	100	100				
-	Xã, phường thực hiện thu	100		100	100	100	100
14	Thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng (Thu từ đối tượng do Chi cục Thuế trực tiếp quản lý thu)	100	100				

PHỤ LỤC 2

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách huyện Ninh Sơn và ngân sách xã, thị trấn trên địa bàn

(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh)

TT	Nội dung thu	Phân định giữa Huyện Ninh Sơn/ xã, thị trấn			
		Tổng cộng (%)	Huyện (%)	Thị trấn Tân Sơn (%)	Xã trên địa bàn huyện (%)
1	Thu từ doanh nghiệp Trung ương				
-	Thuế giá trị gia tăng	100	100		
2	Thu từ khu vực công thương nghiệp-NQĐ				
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	100		
-	Thuế tài nguyên				
+	<i>Thu từ đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu</i>	100	100		
+	<i>Thu từ đối tượng do liên đội thuế xã thu</i>	100		100	100
-	Thuế giá trị gia tăng				
+	<i>Thu từ đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu</i>	100	100		
+	<i>Thu từ đối tượng do liên đội thuế xã thu</i>	100	0-20	80	100
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	100		
+	<i>Thu từ đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu</i>	100	100		
+	<i>Thu từ đối tượng do liên đội thuế xã thu</i>	100		100	100
3	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	100	30	70	70
4	Thuế thu nhập cá nhân từ các thu nhập khác				
-	<i>Thu từ đối tượng do Chi cục thuế trực tiếp quản lý thu</i>	100	100		
-	<i>Thu từ đối tượng do liên đội thuế xã thu (thu từ hộ kinh doanh)</i>	100		100	100
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100	30	70	70
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100	30	70	70
7	Lệ phí trước bạ đối với tài sản khác	100	100		
8	Thu tiền sử dụng đất (các công trình, dự án do huyện, thành phố quản lý, đầu tư	100	100		
9	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	100	100		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	30	70	70
11	Thu cố định tại xã	100		100	100
12	Thu khác ngân sách				
-	Huyện thực hiện thu	100	100		
-	Xã, thị trấn thực hiện thu	100		100	100
13	Phí, lệ phí				
-	Huyện thực hiện thu	100	100		
-	Xã, thị trấn thực hiện thu	100		100	100
14	Thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng (Thu từ đối tượng do Chi cục Thuế trực tiếp quản lý thu)	100	100		



PHỤ LỤC 3

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách huyện Ninh Hải và ngân sách xã, thị trấn trên địa bàn

(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh)

TT	Nội dung thu	Phân định giữa Huyện Ninh Hải/ xã, thị trấn		
		Tổng cộng (%)	Huyện (%)	Xã, thị trấn trên địa bàn huyện (%)
1	Thu từ doanh nghiệp Trung ương			
-	Thuế giá trị gia tăng	100	100	
2	Thu từ khu vực công thương nghiệp-NQĐ			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	100	
-	Thuế tài nguyên	100	100	
-	Thuế giá trị gia tăng	100	100	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	100	
3	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	100	30	70
4	Thuế thu nhập cá nhân từ các thu nhập khác	100	100	
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100	30	70
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100	30	70
7	Lệ phí trước bạ đối với tài sản khác	100	100	
8	Thu tiền sử dụng đất (các công trình, dự án do huyện, thành phố quản lý, đầu tư	100	100	
9	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	100	100	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	30	70
11	Thu cố định tại xã	100		100
12	Thu khác ngân sách			
-	Huyện thực hiện thu	100	100	
-	Xã, thị trấn thực hiện thu	100		100
13	Phí, lệ phí			
-	Huyện thực hiện thu	100	100	
-	Xã, thị trấn thực hiện thu	100		100

Handwritten signature

14	Thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng (Thu từ đối tượng do Chi cục Thuế trực tiếp quản lý thu)	100	100	
----	--	-----	-----	--

đc

PHỤ LỤC 4

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách huyện Ninh Phước và ngân sách xã, thị trấn trên địa bàn

(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh)

TT	Nội dung thu	Phân định giữa Huyện Ninh Phước/ xã, thị trấn		
		Tổng cộng (%)	Huyện (%)	Xã, thị trấn trên địa bàn huyện (%)
1	Thu từ doanh nghiệp Trung ương			
-	Thuế giá trị gia tăng	100	100	
2	Thu từ khu vực công thương nghiệp-NQD			
-	Thu từ các DN thành lập theo Luật Dn, HTX			
+	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	100	
+	Thuế tài nguyên	100	100	
+	Thuế giá trị gia tăng	100	100	
+	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	100	
-	Thu từ các cá nhân SC, KD hàng hóa, dịch vụ			
+	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		100
+	Thuế tài nguyên	100		100
+	Thuế giá trị gia tăng	100		100
+	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		100
3	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	100		100
4	Thuế thu nhập cá nhân từ các thu nhập khác			
-	Huyện thực hiện thu	100	100	
-	Xã, thị trấn thực hiện thu	100	0	100
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100		100
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100		100
7	Lệ phí trước bạ đối với tài sản khác	100	100	
8	Thu tiền sử dụng đất (các công trình, dự án do huyện, thành phố quản lý, đầu tư	100	100	

11/12/2017

Handwritten signature

9	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			
-	Huyện thực hiện thu	100	100	
-	Xã, thị trấn thực hiện thu	100		100
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100		100
11	Thu cố định tại xã	100		100
12	Thu khác ngân sách			
-	Huyện thực hiện thu	100	100	
-	Xã, thị trấn thực hiện thu	100		100
13	Phí, lệ phí			
-	Huyện thực hiện thu	100	100	
-	Xã, thị trấn thực hiện thu	100		100
14	Thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng (Thu từ đối tượng do Chi cục Thuế trực tiếp quản lý thu)	100	100	

xe

PHỤ LỤC 5

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách huyện Thuận Nam và ngân sách xã trên địa bàn

(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh)

TT	Nội dung thu	Phân định giữa Huyện Thuận Nam/ các xã		
		Tổng cộng (%)	Huyện (%)	Các Xã trên địa bàn huyện (%)
1	Thu từ doanh nghiệp Trung ương			
-	Thuế giá trị gia tăng	100	100	
2	Thu từ khu vực công thương nghiệp-NQĐ			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	100	
-	Thuế tài nguyên	100	100	
-	Thuế giá trị gia tăng	100	100	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	100	
3	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	100	30	70
4	Thuế thu nhập cá nhân từ các thu nhập khác	100	100	
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100		100
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100	20	80
7	Lệ phí trước bạ đối với tài sản khác	100	100	
8	Thu tiền sử dụng đất (các công trình, dự án do huyện, thành phố quản lý, đầu tư	100	100	
9	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	100	100	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100		100
11	Thu cố định tại xã	100		100
12	Thu khác ngân sách			
-	Huyện thực hiện thu	100	100	
-	Xã thực hiện thu	100		100
13	Phí, lệ phí			
-	Huyện thực hiện thu	100	100	
-	Xã thực hiện thu	100		100

14	Thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng (Thu từ đối tượng do Chi cục Thuế trực tiếp quản lý thu)	100	100	
----	--	-----	-----	--

te

PHỤ LỤC 6

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách huyện Thuận Bắc và ngân sách xã trên địa bàn

(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh)

TT	Nội dung thu	Phân định giữa Huyện Thuận Bắc/ xã		
		Tổng cộng (%)	Huyện (%)	xã trên địa bàn huyện (%)
1	Thu từ doanh nghiệp Trung ương			
-	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	100	100	0
2	Thu từ khu vực công thương nghiệp-NQD			
-	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	100	70	30
-	<i>Thuế tài nguyên</i>	100	100	0
-	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	100	70	30
-	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	100	100	0
3	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	100	30	70
4	Thuế thu nhập cá nhân từ các thu nhập khác	100	100	0
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100	30	70
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100	30	70
7	Lệ phí trước bạ đối với tài sản khác	100	100	0
8	Thu tiền sử dụng đất (các công trình, dự án do huyện, thành phố quản lý, đầu tư	100	100	0
9	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	100	100	0
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	30	70
11	Thu cố định tại xã	100	0	100
12	Thu khác ngân sách			
-	<i>Huyện thực hiện thu</i>	100	100	0
-	<i>Xã, thị trấn thực hiện thu</i>	100	0	100
13	Phí, lệ phí			
-	<i>Huyện thực hiện thu</i>	100	100	0
-	<i>Xã, thị trấn thực hiện thu</i>	100	0	100
14	Thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng (Thu từ đối tượng do Chi cục Thuế trực tiếp quản lý thu)	100	100	0

PHỤ LỤC 7

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách huyện Bắc Ái và ngân sách xã trên địa bàn

(Kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh)

TT	Nội dung thu	Phân định giữa Huyện Bắc Ái/ xã		
		Tổng cộng (%)	Huyện (%)	Xã trên địa bàn huyện (%)
1	Thu từ doanh nghiệp Trung ương			
-	Thuế giá trị gia tăng	100	100	
2	Thu từ khu vực công thương nghiệp- NQD			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	100	
-	Thuế tài nguyên	100	100	
-	Thuế giá trị gia tăng	100	100	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	100	
3	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	100	30	70
4	Thuế thu nhập cá nhân từ các thu nhập khác	100	100	
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100	30	70
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100	30	70
7	Lệ phí trước bạ đối với tài sản khác	100	100	
8	Thu tiền sử dụng đất (các công trình, dự án do huyện, thành phố quản lý, đầu tư	100	100	
9	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	100	100	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	30	70
11	Thu cố định tại xã	100		100
12	Thu khác ngân sách			
-	Huyện thực hiện thu	100	100	
-	Xã thực hiện thu	100		100
13	Phí, lệ phí			
-	Huyện thực hiện thu	100	100	

TT	Nội dung thu	Phân định giữa Huyện Bắc Ái/ xã		
		Tổng cộng (%)	Huyện (%)	Xã trên địa bàn huyện (%)
-	<i>Xã thực hiện thu</i>	100		100
14	Thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng (Thu từ đối tượng do Chi cục Thuế trực tiếp quản lý thu)	100	100	